

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DSST
Ngày 01-10-2024.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và ông Phạm Quang Man.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-TCDS ngày 05/03/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST- TCDS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn K, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 28, ngõ M đường L, tổ 4, phường T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 48 đường X, tổ dân phố M, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt bà H, ông V; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày: Do có mối quan hệ thân quen, làm ăn với ông Nguyễn Ngọc V và bà Nguyễn Thị Thu H nên bà đã nhiều lần cho ông V vay tiền có sự bảo lãnh của bà H, cụ thể:

- Ngày 28/11/2021, bà cho ông V vay số tiền là 200.000.000đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất vay theo Ngân hàng nhà nước quy định, khoản vay được bà H bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ.

- Ngày 27/01/2022, bà cho ông V vay số tiền là 200.000.000đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, khoản vay được bà H bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ.

- Ngày 08/05/2022, bà cho ông V vay số tiền là 200.000.000đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, khoản vay được bà H bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ.

- Ngày 19/01/2023, bà cho ông V vay số tiền là 50.000.000đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận.

Tổng số tiền bà đã cho ông V vay là 650.000.000đồng. Các lần cho vay bà và ông V đều làm giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của hai bên, xác nhận của người bảo lãnh là bà và bà đã giao đầy đủ số tiền cho ông V vay. Sau khi vay tiền, ông V có hẹn đến ngày 19/03/2023 sẽ thanh toán trả cho bà đầy đủ nợ gốc và lãi của số tiền đã vay. Tuy nhiên, đến nay ông V vẫn chưa thanh toán trả tiền vay cho bà như đã thỏa thuận, cam kết mặc dù đã được bà nhiều lần gặp mặt trực tiếp và gọi điện yêu cầu trả nợ. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông V phải thanh toán trả ngay số nợ gốc đã vay là 650.000.000đồng và lãi chậm trả của số tiền đã vay theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định là 0,8%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 19/03/2023 đến ngày 15/01/2024 là 52.000.000đồng, ông V còn phải tiếp tục trả lãi cho bà cho đến khi trả hết nợ vay. Đồng thời bà cũng yêu cầu Tòa án xác định trách nhiệm của bà H trong việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán, trả các khoản nợ vay của ông V.

* Tại bản khai ngày 19/6/2024, bị đơn ông Nguyễn Ngọc V trình bày, xác nhận: Ông và bà Trương Thị H là chỗ quen biết, do cần tiền để làm ăn nên ông đã vay của bà H tổng cộng 650.000.000đồng với số lần vay, thời điểm vay, hình thức vay và người bảo lãnh nợ vay như bà H đã trình bày tại Tòa án là đúng. Tuy nhiên, sau khi vay tiền, ông đã nhiều lần thanh toán trả nợ cho bà H với số tiền tổng cộng là 227.000.000đồng qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 107000237965 của bà H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), với các lần cụ thể gồm: Ngày 27/12/2021 trả 18.000.000đồng, ngày 28/02/2022 trả 36.000.000đồng, ngày 27/03/2022 trả 20.000.000đồng, ngày 04/04/2022 trả 16.000.000đồng, ngày 27/04/2022 trả 20.000.000đồng, ngày 10/05/2022 trả 16.000.000đồng, ngày 31/05/2022 trả 20.000.000đồng, ngày 15/6/2022 trả 15.000.000đồng, ngày 06/7/2022 trả 16.000.000đồng, ngày 18/7/2022 trả 10.000.000đồng, ngày 27/7/2022 trả 10.000.000đồng, ngày 10/8/2022 trả 16.000.000đồng, ngày 16/8/2022 trả 10.000.000đồng, và ngày 07/6/2024 trả 20.000.000đồng. Các lần chuyển khoản trả tiền cho bà H ông đều có đầy đủ bản sao kê thanh toán của Ngân hàng để làm chứng cứ xuất trình tại Tòa án. Ông cũng xác nhận trong các lần vay tiền của bà H có 03 lần vào các ngày 28/11/2021, 27/01/2022 và 08/05/2022 ông được bà Nguyễn Thị Thu H bảo lãnh bằng tín chấp số tiền tổng cộng là 600.000.000đồng. Nay bà H khởi kiện, ông không chấp nhận yêu cầu trả toàn bộ số nợ gốc đã vay mà chỉ đồng ý trả số nợ còn lại là 423.000.000đồng. Ông cũng đồng ý trả lãi số nợ còn lại tính từ ngày 19/03/2023 với mức lãi suất 0,8%/tháng theo yêu cầu của bà H. Về việc bảo lãnh các khoản nợ đã vay, ông đề nghị bà H cùng có trách nhiệm với ông trong việc thanh toán trả nợ vay cho bà H.

* Tại bản khai ngày 04/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày, xác nhận: Do có quan hệ quen biết, làm ăn với ông Nguyễn Ngọc V và bà Trương Thị H nên bà đã đứng ra bảo lãnh cho ông V vay tiền của bà H số tiền 600.000.000đồng gồm các lần vay vào các ngày 28/11/2021, 27/01/2022 và ngày 08/05/2022, mỗi lần vay 200.000.000đồng. Các lần vay tiền ông

V và bà H đều trực tiếp giao nhận tiền với nhau, lãi suất vay các bên thỏa thuận và thanh toán với nhau như thế nào thì bà không biết. Nay bà H khởi kiện đòi nợ ông V, bà có quan điểm cụ thể đối với các khoản nợ vay bà đã bảo lãnh cho ông V trong trường hợp ông V không có khả năng trả nợ thì bà sẽ có trách nhiệm trả nợ thay cho ông V, phương thức là trả nợ dần, mức trả là 500.000đồng/tháng.

Ngày 22/8/2024, bà H khai bổ sung xác định ngày 08/05/2022 bà còn cho ông V vay khoản vay khác ngoài các khoản vay đã trình bày có trong nội dung đơn khởi kiện là 200.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của ông V tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Hà Nam bằng Ủy nhiệm chi số 343 lập ngày 08/05/2022. Bà yêu cầu Tòa án xác định đây là khoản nợ khác đã cho ông V vay để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Các đương sự có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung trình bày bổ sung sau khi Tòa án đã tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung tranh chấp trong vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, 117, 274, 280, 293, 335, 336, 339, 342, 351, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, buộc ông Nguyễn Ngọc V phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà H số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 423.000.000đồng và phải trả lãi do chậm thanh toán số tiền phải trả theo lãi suất các bên đã thống nhất đối với thời gian chậm trả. Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ông V phải trả toàn bộ số nợ gốc đã vay là 650.000.000đồng.

- Đối với yêu cầu xem xét khoản vay khác ngày 08/05/2022 của nguyên đơn là 200.000.000đồng phát sinh sau khi Tòa án đã tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đây là nội dung vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra giải quyết trong vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện, thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền giữa các đương sự trong vụ án phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại tổ 4, phường T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” giữa các bên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp dân sự giữa các bên trong vụ án thuộc trường hợp yêu cầu pháp luật bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng đã có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét yêu cầu thanh toán trả khoản nợ gốc đã vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết tranh chấp, các bên đều thừa nhận do có quan hệ quen biết và làm ăn với nhau nên các ngày 28/11/2011, 27/01/2022, 08/05/2022 và 19/01/2023 bà Trương Thị H đã cho ông Nguyễn Ngọc V vay tiền với số tiền tổng cộng là 650.000.000đồng. Các lần vay tiền đều được làm giấy biên nhận nợ trong đó các bên đều ký xác nhận về số tiền đã vay, các lần vay ngày 28/11/2021, 27/01/2022 và 08/05/2022 còn được bà Nguyễn Thị Thu H ký xác nhận là người bảo lãnh. Xét thấy, giao dịch dân sự vay tài sản (vay tiền) nêu trên được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của giao dịch không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đối với những nội dung đã được các bên thừa nhận nêu trên bao gồm số lần vay, thời điểm vay, số tiền vay từng lần, số tiền vay tổng cộng và người bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ là những tình tiết mà pháp luật không phải chứng minh.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải thanh toán trả toàn bộ khoản nợ gốc đã vay với số tiền tổng cộng là 650.000.000đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này của bà H đã không được ông V chấp nhận. Ông V trình bày quan điểm chỉ đồng ý trả số nợ gốc còn lại chưa thanh toán cho bà H là 423.00.000đồng với lý do sau khi vay tiền, trong khoản thời gian từ ngày 27/12/2021 đến ngày 07/6/2024, ông đã nhiều lần thanh toán trả nợ gốc cho bà H thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản cá nhân của bà H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với số tiền tổng cộng là 227.000.000đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết tranh chấp, bà H cũng xác nhận về việc ông V có trả tiền cho bà qua hình thức chuyển khoản số tiền 227.000.000đồng nhưng không thừa nhận đó là tiền trả nợ của khoản vay 650.000.000đồng ông V đã vay mà cho rằng đó là tiền trả khoản nợ khác. Khi đối chất giữa các bên tại Tòa án và tại phiên tòa, bà H đã không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh ngoài khoản tiền 650.000.000đồng đã cho vay, bà còn cho ông V vay khoản nợ khác và khoản tiền ông V đã trả thông qua hình thức chuyển khoản không liên quan đến khoản tiền 650.000.000đồng bà đã cho ông V vay. Như vậy, việc ông V xác định đã thanh toán, trả nợ cho cho bà H số tiền 227.000.000đồng

là thực tế, bà H xác nhận có nhận tiền của ông V trả nhưng không chứng minh được đó là khoản tiền trả nợ của khoản vay khác là có căn cứ, do đó quan điểm của bị đơn về việc đã thanh toán trả được cho nguyên đơn một phần nợ đã vay là có cơ sở, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc đã vay chỉ được xem xét, chấp nhận một phần bằng giá trị số tiền bị đơn xác nhận đã vay của nguyên đơn và chưa thanh toán còn lại là 423.000.000đồng.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xem xét, giải quyết khoản cho vay khác là số tiền 200.000.000đồng ngày 08/05/2022, tại phiên tòa yêu cầu này không được bị đơn chấp nhận đó là khoản vay khác. Mặt khác, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện sau thời điểm Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/8/2024 nên căn cứ Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210, Điều 243 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại mục 7, phần IV Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 07/04/2017 về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ thì việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong trường hợp này không được Tòa án xem xét, chấp nhận. Vì vậy, để không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án và vẫn đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự, Tòa án sẽ không xem xét, giải quyết đối với nội dung yêu cầu khởi kiện bổ sung này của nguyên đơn trong cùng vụ án mà sẽ xem xét, giải quyết trong vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi đương sự có đầy đủ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo để chứng minh theo quy định pháp luật.

2.2. Về yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình thì ngoài lần vay các ngày 28/11/2021 và 19/01/2023 có ghi thời hạn vay là 03 tháng, các lần vay còn lại các bên không ghi cụ thể về thời hạn vay, thỏa thuận về lãi suất vay và phương thức vay nên thuộc trường hợp vay không xác định được rõ lãi suất. Tại phiên đối chất ngày 19/6/2024, các bên thống nhất về việc ông V chấp nhận sẽ trả lãi số nợ gốc còn lại với mức lãi suất theo yêu cầu của bà H là 0,8%/tháng (tương đương 9,6%/năm), tính từ ngày 19/03/2023 cho đến khi vụ án được giải quyết.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên ...; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”*; tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*.

Đối chiếu quy định của pháp luật nêu trên thì yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ để được xem xét, chấp nhận. Xét thỏa thuận của các bên về việc bị đơn chấp nhận trả lãi của số nợ gốc với mức lãi suất 0,8%/tháng (tương đương 9,6%/năm), Hội đồng xét xử thấy rằng mức lãi suất này phù hợp quy định của pháp luật (Bộ luật Dân sự quy định không vượt quá 10%/năm), do đó có cơ sở để xem xét, chấp nhận. Thời hạn tính lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 19/03/2023 là hạn trả khoản nợ vay cuối cùng cho đến khi vụ án được giải quyết xong cũng là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật nên cần chấp nhận

2.3. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Xét thấy, các lần vay tiền của ông V các ngày 28/11/2021, 27/01/2022 và ngày 08/05/2022 với số tiền vay tổng cộng là 600.000.000đồng có sự đứng ra bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ khi đến hạn của bà Nguyễn Thị Thu H và bảo lãnh được bà H chấp nhận. Việc các bên có thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc bảo lãnh nghĩa vụ trả tiền của bên được bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, mục đích là để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ đã vay khi đến hạn thanh toán nên hoàn toàn hợp pháp. Do các bên không có thỏa thuận nào khác về phạm vi bảo lãnh và đề nghị về phương thức và mức trả nợ hàng tháng của bà H không được bà H chấp nhận, do đó trong trường hợp ông V không có điều kiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bà H phải có trách nhiệm trả nợ thay cho ông V đối với các khoản nợ ông V phải trả đã được bà H bảo lãnh.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ quy định tại các Điều 116, 117, 274, 280, 292, 293, 335, 336, 339, 342, 351, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần trong việc buộc bị đơn phải trả khoản nợ đã vay còn lại chưa thanh toán là 423.000.000đồng và phải chịu lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất do các bên thống nhất là 0,8%/tháng đối với thời gian chậm trả, đồng thời cũng xem xét, chấp nhận yêu cầu xác định nghĩa vụ của bà H trong việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ khi ông V không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho bà H.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận và được trừ khoản tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 155, 274, 280, 292, 293, 335, 336, 339, 342, 351, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H:

1.1. Buộc ông Nguyễn Ngọc V phải thanh toán trả cho bà Trương Thị H số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 01/10/2024 gồm: Khoản nợ gốc là 423.000.000đồng, khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 19/03/2023 cho đến hết ngày 01/10/2024 (18 tháng 11 ngày) với mức lãi suất 0,8%/tháng là 62.152.800đồng. Tổng cộng là 485.152.800đồng (*Bốn trăm tám mươi lăm triệu một trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng*).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Ngọc V không thanh toán trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho bà Trương Thị H thì bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ thay cho ông V các khoản nợ mà bà H đã bảo lãnh.

2. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc V phải nộp 23.406.000đồng (*Hai mươi ba triệu bốn trăm linh sáu nghìn đồng*).

3.2. Bà Trương Thị H phải nộp 11.350.000đồng (*Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà H được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 17.550.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000353 ngày 05/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, bà H còn được nhận lại 6.200.000đồng (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Sơn